

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HS-ST

Ngày : 22/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Hiền Thực

2. Ông Vũ Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Tạ Quốc B, sinh ngày 22/8/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079202023988; Nơi đăng ký thường trú: 85 đường số D, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Nhà không số, tổ D, ấp Đ, xã B, huyện H (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Minh H và bà: Lê Thị Sĩ D; Vợ, con: Không có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/5/2025. Có mặt.

- Bị hại: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: 5 Bến P, Phường I, Quận F (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Sĩ D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Nhà không số, tổ D, ấp Đ, xã B, huyện H (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 03/5/2025, Tạ Quốc B điều khiển xe gắn máy hiệu Atila, biển số: 52Z8 - 5893 đến trước nhà số C T, Phường A, Quận A (nay là phường

D), Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện bà Ngô Thị L, sinh năm 1968, đang đứng trên đường, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền của bà L. B điều khiển xe máy chạy áp sát bà L rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền của bà L và tăng ga xe chạy về hướng đường N, Phường A, Quận A chạy thoát. Cùng ngày, bà Ngô Thị L đến Công an P, Quận A trình báo.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mời Tạ Quốc B về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Tạ Quốc B thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên và khai nhận sau khi chiếm đoạt được sợi dây chuyền, B mang đến bán tại tiệm V, địa chỉ 3 N, phường R, Quận H được số tiền 8.132.000 đồng. Khi bán, B nói sợi dây chuyền là của bà ngoại cho, đã bị mất giấy tờ. B đã tiêu xài hết số tiền này.

Chị Nguyễn Thị Thanh N – nhân viên và anh Chiêu Quốc T – chủ tiệm V trình bày: Tối ngày 03/5/2025, có thanh niên tên Tạ Quốc B mang 01 sợi dây chuyền vàng tới bán và nói đây là của bà ngoại cho, đã bị mất giấy tờ. B cung cấp thông tin cho chị N thông tin ứng dụng VNIED cùng giấy phép lái xe của B, chị N phô tô giấy phép lái xe lưu lại và báo giá mua là 8.132.000 đồng. Sau khi mua, anh T đã nấu tan chảy cùng với nhiều trang sức khác để làm các món trang sức khác nên không còn để giao nộp lại cho Cơ quan Công an. Anh T1 và chị N không biết đây là tài sản do B phạm tội mà có, phù hợp với lời khai của B và dữ liệu camera, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, không có căn cứ để xử lý Chiêu Quốc T và Nguyễn Thị Thanh N về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Kết luận định giá tài sản số 12025/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự cấp thành phố - Ủy ban nhân dân Thành phố H kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,31 chỉ, có giá trị 10.937.976 đồng, 01 mặt dây chuyền quan âm bằng vàng 18k, trọng lượng 3,8 phân, có giá trị 3.172.848 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 14.110.824 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ngô Thị L yêu cầu Tạ Quốc B bồi thường số tiền 14.111.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K và 01 mặt dây chuyền quan âm bằng vàng là tài sản bị chiếm đoạt, không thu hồi được.

- 01 xe gắn máy hiệu Atila, biển số: 52Z8 – 5893, 01 điện thoại di động hiệu Redmi, 01 áo khoác màu cam có "Shopee Food", 01 bộ quần áo và 01 nón bảo hiểm màu cam thu giữ của Tạ Quốc B.

Tại bản cáo trạng số 159/CT-VKSKV4 ngày 08 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Tạ Quốc B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

Bị hại bà Ngô Thị L có đơn xin vắng mặt xét xử và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 14.111.000 đồng do không thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt, bị cáo đồng ý bồi thường cho bà L số tiền trên.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/5/2025, tại trước nhà số C T, Phường A, Quận A (nay là phường D), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Tạ Quốc B có hành vi sử dụng xe gắn máy làm phương tiện, công khai giật lấy 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,31 chỉ kèm 01 mặt dây chuyền quan âm bằng vàng 18k, trọng lượng 3,8 phân, tổng giá trị là 14.110.824 đồng của bà Ngô Thị L rồi nhanh chóng tăng ga xe tẩu thoát.

Vì vậy, bị cáo Tạ Quốc B bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi cướp giật tài sản của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị nhưng do tư lợi cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ngô Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 14.111.000 đồng là trị giá tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được. Bị cáo đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường cho bà L số tiền 14.111.000 đồng.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Redmi thu giữ của bị cáo, xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 bộ quần áo, 01 áo khoác màu cam có "Shopee Food" và 01 nón bảo hiểm màu cam thu giữ của bị cáo, xét thấy đây là những vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 xe gắn máy hiệu Atila, biển số 52Z8 – 5893 là phương tiện phạm tội thu giữ của bị cáo. Qua xác minh, bà Lê Thị Sĩ T2 là người đứng tên đăng ký xe. Bà T2 khai đã cho chị gái là Lê Thị Sĩ D chiếc xe trên để quản lý và sử dụng. Bà D khai cho con trai Tạ Quốc B mượn làm phương tiện đi giao hàng, bà không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo. Bà D có yêu cầu được nhận lại chiếc xe trên để có phương tiện đi lại. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà D là có căn cứ nên chấp nhận, trả lại chiếc xe trên cho bà D.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Tạ Quốc B **03 (ba) năm 09 (chín) tháng** tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 5 năm 2025.

Miễn khoản phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Ngô Thị L số tiền 14.111.000 (mười bốn triệu một trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Ngô Thị L có đơn xin thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản như đã nêu trên, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Redmi, số imei: 860510052075147/78 (nhưng tạm giữ cho đến khi bị cáo thi hành xong trách nhiệm dân sự).

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo khoác màu cam có "Shopee Food", 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ đen, 01 quần Jean màu xám và 01 nón bảo hiểm màu cam.

- Trả lại cho bà Lê Thị Sĩ D 01 xe gắn máy hiệu Atila, biển số 52Z8 – 5893, số khung: RLGKA12ED7D003399, số máy: VMVT5AD003399.

(Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 116/BB/2026 ngày 20/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và 705.550 (bảy trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Cơ quan CSĐT CATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hiếu Hạnh

